

THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU ĐÀO TẠO LIÊN TỤC CỦA ĐIỀU DƯỠNG TẠI CÁC BỆNH VIỆN QUÂN KHU 7

Trần Thị Hương Giang¹, Trần Nguyễn Như Hiếu^{1}*

Tóm tắt

Mục tiêu: Mô tả thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của điều dưỡng (ĐD) tại các Bệnh viện Quân khu 7 năm 2023. **Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang, đánh giá 173 ĐD trưởng và ĐD viên công tác tại Bệnh viện Quân y 7A, Bệnh viện Quân y 7B và Bệnh viện Quân dân y miền Đông từ tháng 5 - 7/2023 bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp điền vào phiếu điều tra đã được thiết kế sẵn. **Kết quả:** Tỷ lệ ĐD đã tham gia đào tạo liên tục là 58,4%. Tỷ lệ ĐD có nhu cầu đào tạo liên tục là 91,9%. Yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu đào tạo của ĐD là giới tính và hình thức lao động. **Kết luận:** Tỷ lệ ĐD tại các bệnh viện quân khu 7 đã được đào tạo liên tục còn thấp. Tuy nhiên ĐD rất mong muốn được đào tạo liên tục trong tương lai.

Từ khóa: Đào tạo liên tục; Các Bệnh viện Quân khu 7.

THE CURRENT STATUS AND NEED FOR CONTINUOUS NURSING TRAINING AT MILITARY REGION 7 HOSPITALS

Abstract

Objectives: To describe the current status and needs for continuous nursing training of nurses at Military Region 7 Hospitals in 2023. **Methods:** A cross-sectional description study evaluating 173 head nurses and nurses working at 7A Military Hospital, 7B Military Hospital, and Eastern People Military Hospital from May to July 2023 using direct interview filling out the pre-designed survey forms. **Results:** The percentage of nurses participating in continuous training was 58.4%. The percentage of nurses who needed continuous training in the future was 91.9%. Factors affecting nurses' need of were training gender and form types of work. **Conclusion:** The rate of nurses at Military Region 7 Hospitals who have received continuous training was still low. However, nurses' need for continuous training in the future was considerably high.

Keywords: Continuous training; Military Region 7 Hospital.

¹Bệnh viện Quân y 7A

*Tác giả liên hệ: Trần Nguyễn Như Hiếu (tnnhuhieu1998@gmail.com)

Ngày nhận bài: 25/12/2023

Ngày được chấp nhận đăng: 18/01/2024

<http://doi.org/10.56535/jmpm.v49i2.627>

ĐẶT VẤN ĐỀ

Điều dưỡng là một ngành nghề đòi hỏi phải có chuyên môn, kỹ năng tốt và chịu được áp lực công việc. Người làm ĐD phải có tinh thần mạnh mẽ và khả năng học tập cao. Tuy nhiên, nguồn lực y tế của Việt Nam hiện nay còn nhiều hạn chế. Hằng năm vẫn ghi nhận những thống kê về sai sót trong y tế. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do cán bộ, nhân viên y tế ít được đào tạo liên tục và cập nhật kiến thức mới. Hiện nay trên thế giới, các kiến thức mới về y khoa được cập nhật liên tục. Chính vì vậy, ĐD cần có trách nhiệm tham gia các lớp đào tạo nhằm nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân. Tuy nhiên, nhiều cán bộ y tế sau khi ra trường nhiều năm không được cập nhật kiến thức và kỹ năng chuyên môn, không đáp ứng được yêu cầu thực tế khám chữa bệnh. Do đó, việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của ĐD luôn được Lãnh đạo Trung ương, Lãnh đạo ngành Y tế quan tâm chỉ đạo về công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực ĐD.

Các Bệnh viện Quân khu 7 là những bệnh viện trực thuộc Bộ Quốc phòng, mỗi ngày các bệnh viện quân khu khám và điều trị cho trên 10 nghìn lượt người bệnh nội và ngoại trú và cả đối tượng đặc thù như quân nhân. Vì vậy, nhân viên y tế phải thực hiện khối công việc rất lớn, đòi hỏi chuyên môn và năng lực cao. Nhằm xác định được

tầm quan trọng của việc đào tạo liên tục đối với nhân viên y tế cũng như hiểu được những khó khăn của ĐD trong quá trình làm nghề. Chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm: *Tìm hiểu nhu cầu đào tạo của ĐD, từ đó có các khuyến nghị dựa trên cơ sở khoa học giúp cho công tác tổ chức đào tạo liên tục của ĐD thực hiện tốt hơn.*

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

173 ĐD trưởng và ĐD viên làm việc tại các Bệnh viện Quân khu 7 từ tháng 5 - 7/2023.

** Tiêu chuẩn lựa chọn:*

Tất cả ĐD hiện công tác ở các khoa lâm sàng tại Bệnh viện Quân y 7A, Bệnh viện Quân y 7B và Bệnh viện Quân dân y miền Đông (biên chế và hợp đồng lao động làm việc từ ≥ 01 năm).

** Tiêu chuẩn loại trừ:*

Đối tượng không đủ các tiêu chuẩn trên; Đối tượng vắng mặt tại thời điểm điều tra (nghỉ thai sản, nghỉ phép, ốm đau, bệnh tật...); Đối tượng từ chối tham gia nghiên cứu.

2. Phương pháp nghiên cứu

** Thiết kế nghiên cứu:* Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

** Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:*

$$n = Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 \times \frac{p(1-p)}{d^2}$$

- Cỡ mẫu:

Áp dụng công thức ước lượng một tỷ lệ:

Trong đó:

n: cỡ mẫu tối thiểu cho nghiên cứu, α : sai lầm loại I, z: trị số từ phân phối chuẩn (với $\alpha = 0,05$ thì $z = 1,96$), d: sai số biên cho phép ($d = 0,1$). Với p: tỷ lệ tuân thủ quy trình mong muốn. Tại Việt Nam theo một nghiên cứu khảo sát về nhu cầu đào tạo liên tục của nhân viên y tế tại Hà Nội năm 2019 cho thấy tỷ lệ nhu cầu đào tạo là 79,4%. Do đó, nghiên cứu chọn $p = 0,794$.

Dự trừ mất mẫu 10%. Số mẫu cần thu thập là 173 ĐD.

- Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu thuận tiện

* Công cụ và phương pháp thu thập số liệu:

- Bộ công cụ: Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi tự điền đã chuẩn bị sẵn, được xây dựng dựa trên bộ công cụ của tác giả Nguyễn Ngọc Huân sử dụng trong nghiên cứu tại Hà Nội vào năm 2016 [3], đồng thời tham khảo Thông tư 22/2013/TT-BYT Hướng dẫn công tác ĐD về chăm sóc người bệnh trong bệnh viện [5]. Bộ câu hỏi bao gồm 03 phần:

- Phần A: Thông tin chung. Gồm các câu hỏi về thông tin của đối tượng nghiên cứu như họ và tên, năm sinh, giới tính, khoa đang công tác, bằng cấp cao nhất, tình trạng hôn nhân, thời gian làm việc,... (gồm 9 câu).

- Phần B: Thực trạng đào tạo liên tục của ĐD (gồm 11 câu).

- Phần C: Nhu cầu đào tạo liên tục của ĐD (gồm 7 câu).

* Thu thập số liệu:

- Bước 1: Giải thích cho đối tượng nghiên cứu hiểu mục đích của việc nghiên cứu, nếu đối tượng đồng ý tham gia thì ký tên vào phiếu tình nguyện đồng ý.

- Bước 2: Phát phiếu câu hỏi, giải thích cách trả lời. Thời gian lấy mẫu từ thứ 2 đến thứ 6 vào lúc 10h30 đến 11h30, trả lời bộ câu hỏi 30 phút/nhân viên y tế.

- Bước 3: Sau khi khảo sát, thu và lưu trữ phiếu khảo sát, kiểm tra lại số lượng phiếu điều tra để lưu trữ và tổng hợp số liệu.

* Xử lý số liệu:

- Các dữ liệu được phân tích bằng phần mềm Stata 14.0.

- Quá trình phân tích bao gồm: Loại bỏ các bảng dữ liệu không đầy đủ thông tin.

+ Thống kê mô tả: Sử dụng tần số và tỷ lệ của các biến số định tính, sử dụng trung bình và độ lệch chuẩn hoặc trung vị đối với biến định lượng.

+ Thống kê phân tích: Kiểm định bằng tỷ số số chênh (OR) sẽ được sử dụng để xác định mối liên quan giữa các đặc điểm với nhu cầu đào tạo của ĐD.

CHÀO MỪNG 75 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG HỌC VIỆN QUÂN Y

3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được chấp thuận bởi Hội đồng đạo đức cơ sở Bệnh viện Quân y 7A theo quyết định số 466/QĐ -BVQY7A ký ngày 24 tháng 4 năm 2023.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đặc điểm chung của ĐD

Bảng 1. Đặc điểm của ĐD trong nghiên cứu (n = 109).

Đặc điểm	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Các bệnh viện		
Bệnh viện Quân y 7A	117	67,6
Bệnh viện Quân y 7B	25	14,5
Bệnh viện Quân dân y miền Đông	31	17,9
Nhóm tuổi		
18 - 30	52	30,1
31 - 50	117	67,6
> 50	4	2,3
Giới tính		
Nam	40	23,1
Nữ	133	76,9
Tình trạng hôn nhân		
Chưa kết hôn	37	21,4
Đã kết hôn	127	73,4
Ly dị/góa	9	5,2
Con cái		
Có	126	72,8
Không	47	27,2
Trình độ học vấn		
Trung cấp	9	5,2
Cao đẳng	105	60,7
Cử nhân	57	32,9
Thạc sĩ/chuyên khoa I	2	1,2
Thời gian công tác (năm)		
< 5	28	16,2
5 - 10	46	26,6
> 10	99	57,2
Thời gian làm việc (tiếng)		
≤ 8	105	60,7
9 - 12	59	34,1
> 12	9	5,2
Hình thức lao động		
Biên chế	56	32,4
Hợp đồng	117	67,6

Trong 3 bệnh viện thuộc quân khu 7, tỷ lệ ĐD tham gia nghiên cứu nhiều nhất là Bệnh viện Quân y 7A với 67,6%. ĐD tham gia nghiên cứu là nữ có tỷ lệ nhiều nhất với 76,9%. Tỷ lệ nam/nữ là 1/3. Tuổi của các ĐD ở các bệnh viện quân khu 7 phần lớn là từ 31 - 50 tuổi (117 ĐD chiếm 67,6%). Đa số ĐD đã kết hôn chiếm 73,4% và tỷ lệ ĐD đã có con là 72,8%. Trình độ học vấn của ĐD ở các bệnh viện quân khu 7 đa số là cao đẳng với 60,7%. Có 2 ĐD có trình độ thạc sĩ/chuyên khoa I chiếm 1,2%. Có 45,1% tỷ lệ ĐD có thâm niên công tác trong ngành y dược trên 10 năm. Tỷ lệ ĐD có thời gian công tác trong ngày ≤ 8 tiếng chiếm tỷ lệ cao nhất với 60,7% và tỷ lệ ĐD biến chế là 32,4% còn hợp đồng là 67,6%.

2. Thực trạng đào tạo liên tục của ĐD tại các Bệnh viện Quân khu 7

Bảng 2. Thực trạng đào tạo của ĐD tại các Bệnh viện Quân khu 7.

Bệnh viện	Thực trạng đào tạo	
	Đã tham gia ĐTLT	Chưa tham gia ĐTLT
	n (%)	n (%)
Bệnh viện Quân y 7A	70 (59,8)	47 (40,2)
Bệnh viện Quân y 7B	10 (40,0)	15 (60,0)
Bệnh viện Quân dân y miền Đông	21 (67,7)	10 (32,3)
Tổng cộng	101 (58,4)	72 (41,6)

Trong số 173 ĐD thì có 101 ĐD đã từng được tham gia đào tạo liên tục, chiếm 58,4%. Trong đó, các ĐD ở Bệnh viện Quân y 7A thì có 70 ĐD đã từng được tham gia đào tạo liên tục, chiếm 59,8%. Đối với Bệnh viện Quân y 7B, tỷ lệ ĐD đã tham gia đào tạo liên tục là 40,0%. Cuối cùng với Bệnh viện Quân dân y miền Đông, tỷ lệ ĐD đã tham gia đào tạo liên tục là 67,7%.

CHÀO MỪNG 75 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG HỌC VIỆN QUÂN Y

Bảng 3. Thực trạng tham gia các lớp đào tạo của ĐD.

Nội dung	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Thời gian đào tạo		
1 - 2 ngày	54	53,5
1 tuần	12	11,9
1 - 3 tháng	15	14,9
3 - 6 tháng	9	8,9
6 - 9 tháng	5	4,9
> 9 tháng	6	5,9
Nội dung đào tạo		
An toàn người bệnh	8	7,9
An toàn tiêm chủng	9	8,9
Cập nhật kiến thức mới	21	20,8
Chăm sóc và theo dõi người bệnh	12	11,9
Kỹ thuật ĐD	13	12,9
Kỹ năng giao tiếp	4	3,9
Phổ biến thông tư, quy định	7	6,9
Kiểm soát nhiễm khuẩn	4	3,9
Quản lý chất lượng	12	11,9
Nghiên cứu khoa học	7	6,9
Truyền thông, giáo dục sức khỏe	4	3,9
Bằng cấp đào tạo		
Chứng chỉ	39	38,6
Chứng nhận	62	61,4
Hình thức đào tạo		
Tập trung	85	84,2
Từ xa	10	9,9
Kết hợp giữa tập trung và từ xa	6	5,9
Phương pháp đào tạo		
Lý thuyết	32	31,7
Thực hành	1	1,0
Kết hợp giữa lý thuyết và thực hành	68	67,3
Nơi học tập		
Tại đơn vị	35	34,7
Tại bệnh viện khác	39	38,6
Trung tâm y tế huyện	4	4,0
Trường/Học viện	17	16,8
Sở Y tế/Bộ Y tế	6	5,9
Kinh phí		
Tự túc kinh phí	35	34,7
Đơn vị cử đi	60	59,4
Một phần kinh phí đơn vị + cá nhân	6	5,9
Giảng viên đào tạo		
Cán bộ đơn vị	23	22,8
Cán bộ các bệnh viện tuyến tỉnh	9	8,9
Cán bộ các bệnh viện tuyến trung ương	26	25,7
Giảng viên đại học/cao đẳng	43	42,6

Trong số 101 ĐD đã tham gia các khóa học đào tạo liên tục, thì khóa học từ 1 - 2 ngày chiếm tỷ lệ cao nhất với 53,5%. Nội dung khóa học nhiều nhất mà ĐD được đào tạo là cập nhật kiến thức mới với 20,8%. Giấy chứng nhận mà ĐD tham gia đào tạo nhận được chiếm tỷ lệ cao nhất với 61,4%. ĐD nhận được chứng chỉ khi tham gia đào tạo chiếm tỷ lệ 38,6%. Hình thức đào tạo tập trung mà ĐD tham gia chiếm tỷ lệ cao nhất với 84,2%, sau đó là hình thức từ xa với tỷ lệ 9,9%. Hình thức

đào tạo kết hợp giữa tập trung và từ xa chiếm tỷ lệ thấp nhất với 5,9%. Đa số ĐD được đào tạo bằng phương pháp kết hợp giữa lý thuyết và thực hành với tỷ lệ 67,3%. Sau đó là phương pháp lý thuyết với tỷ lệ 31,7%. Phương pháp thực hành có tỷ lệ thấp nhất với 1,0%. Trong số 101 ĐD đã tham gia đào tạo liên tục thì tại bệnh viện khác là nơi được lựa chọn nhiều nhất (39 lần chiếm 38,6%) và kinh phí tham gia khóa học do đơn vị cử đi có tỷ lệ cao nhất với 59,4%.

3. Nhu cầu đào tạo liên tục của ĐD tại các Bệnh viện Quân khu 7

Bảng 4. Nhu cầu tham gia đào tạo của ĐD.

Bệnh viện	Nhu cầu đào tạo	
	Có n (%)	Không n (%)
Bệnh viện Quân y 7A	106 (90,6)	11 (9,4)
Bệnh viện Quân y 7B	23 (92,0)	2 (8,0)
Bệnh viện Quân dân y miền Đông	30 (96,8)	1 (3,2)
Tổng cộng	159 (91,9)	14 (8,1)

Có 159 đối tượng có nhu cầu tham gia đào tạo liên tục chiếm 91,9%. Trong đó, Bệnh viện Quân y 7A có 106 ĐD (90,6%) có nhu cầu tham gia đào tạo liên tục. Đối với Bệnh viện Quân y 7B, tỷ lệ ĐD có nhu cầu đào tạo liên tục là 92,0%. Cuối cùng với Bệnh viện Quân dân y miền Đông, tỷ lệ ĐD có nhu cầu đào tạo liên tục là 96,8%.

CHÀO MỪNG 75 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG HỌC VIỆN QUÂN Y

Bảng 5. Nhu cầu đào tạo của ĐD tại các Bệnh viện Quân khu 7.

Nội dung	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Hình thức đào tạo		
Nâng cao trình độ bằng cấp	75	47,2
Học định hướng chuyên khoa	16	10,0
Tham gia hội thảo, hội nghị	10	6,3
Tham gia khóa học ngắn hạn cấp chứng nhận/chứng chỉ	52	32,7
Tham gia khóa học dài hạn cấp chứng nhận/chứng chỉ	6	3,8
Nơi học tập		
Tại đơn vị	74	46,5
Tại bệnh viện khác	24	15,1
Trung tâm y tế huyện	1	0,6
Trường/Học viện	43	27,1
Sở Y tế/Bộ Y tế	17	10,7
Nội dung đào tạo		
Các bệnh không lây	9	4,5
Truyền nhiễm	9	4,5
Y học gia đình	35	17,7
Y học cổ truyền	12	6,1
Y học hiện đại kết hợp với y học cổ truyền	24	12,1
Da liễu	17	8,6
Phục hồi chức năng	22	11,1
Chẩn đoán hình ảnh	8	4,0
Tổ chức quản lý y tế	24	12,1
Nghiên cứu khoa học	30	15,1
Sức khỏe tâm thần	8	4,0
Phương pháp đào tạo		
Tập trung	11	6,9
Từ xa	5	3,1
Kết hợp giữa tập trung và từ xa	143	90,0
Kinh phí		
Tự túc kinh phí	25	15,7
Đơn vị cử đi	79	49,7
Một phần kinh phí đơn vị + cá nhân	55	34,6
Giảng viên đào tạo		
Cán bộ đơn vị	8	5,1
Cán bộ các bệnh viện tuyến tỉnh	6	3,8
Cán bộ các bệnh viện tuyến trung ương	28	17,7
Giảng viên đại học/cao đẳng	116	73,4

Hình thức khóa học mà ĐD mong muốn nhất là nâng cao trình độ bằng cấp chiếm 47,2%. Địa điểm/đơn vị tổ chức các khóa học mà ĐD mong muốn nhất là tại đơn vị công tác (46,5%). Tỷ lệ ĐD mong muốn được đơn vị cử đi hỗ trợ hoàn toàn kinh phí là cao nhất (49,7%), tiếp theo là mong muốn được đơn vị hỗ trợ một phần kinh phí kết hợp với tự cá nhân (34,6%) và cuối cùng là nhóm muốn tự túc kinh phí chiếm tỷ lệ thấp nhất

(15,7%). Nội dung mà ĐD các Bệnh viện Quân khu 7 mong muốn được đào tạo nhiều nhất là y học gia đình (35 ĐD chiếm 17,7%) và nội dung chiếm tỷ lệ thấp nhất là chẩn đoán hình ảnh và sức khỏe tâm thần (8 ĐD chiếm 4,0%). Tỷ lệ ĐD mong muốn phương pháp đào tạo kết hợp giữa tập trung và từ xa cao nhất (90,0%) và ĐD mong muốn nhận được sự đào từ các giảng viên đại học/cao đẳng chiếm 73,4%.

4. Các yếu tố liên quan đến nhu cầu đào tạo liên tục của ĐD

Bảng 6. Mối liên quan đơn biến giữa giới tính, hình thức lao động với nhu cầu đào tạo liên tục.

Đặc điểm	Nhu cầu đào tạo		OR (95% CI)	P
	Có n (%)	Không n (%)		
Giới tính				
Nam	37 (23,3)	3 (21,4)	1,08 (0,38 - 3,08)	0,02
Nữ	122 (76,7)	11 (78,6)		
Hình thức lao động				
Biên chế	48 (30,2)	8 (57,1)	0,53 (0,32 - 0,88)	0,03
Hợp đồng	111 (69,8)	6 (42,9)		

Chúng tôi tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa giới tính và nhu cầu đào tạo liên tục, cụ thể nhóm ĐD là nam giới có nhu cầu đào tạo liên tục cao gấp 1,08 lần nhóm ĐD là nữ giới ($p = 0,02$). Ngoài ra, chúng tôi còn tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa hình thức lao động với nhu cầu đào tạo của ĐD ($p < 0,05$).

BÀN LUẬN

1. Thực trạng đào tạo liên tục

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra rằng tỷ lệ ĐD được đào tạo liên tục là 58,4%. Kết quả này cao so với nghiên cứu của Nguyễn Thành Trung (2016) với 17,4% cán bộ y tế đã được đào tạo liên tục [7]. Điều này có thể lý giải do khác đối tượng nghiên cứu. Cụ thể nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thành Trung được tiến hành trên các cán bộ Y học cổ truyền tuyến huyện của tỉnh Thanh Hóa. Ngoài ra kết quả nghiên cứu này còn tương đồng với kết quả nghiên cứu của Trần Thị Thu Trang (2018) có tỷ lệ nhân viên y tế được đào tạo liên tục là 70,81% [6]. Điều đó cho thấy tỷ lệ được đào tạo của nhân viên y tế cao dù ở cơ sở y tế tuyến huyện thường trong tình trạng thiếu cán bộ nhưng tinh thần học tập để nâng cao trình độ chuyên môn cao. Còn nghiên cứu của chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên các ĐD thuộc các Bệnh viện Quân khu 7. Nơi mà Bộ Quốc phòng đầu tư rất nhiều nguồn lực và vật lực cùng với đội ngũ nhân viên y tế đông đảo nên các cán bộ, nhân viên y tế có điều kiện tham gia các lớp đào tạo liên tục tốt hơn so với bệnh viện tuyến huyện khác. Kết quả nghiên cứu trên của chúng tôi cũng cao hơn kết quả nghiên cứu của Trịnh Yên Bình

(2013) 36% cán bộ y tế đã được đào tạo liên tục [1]. Điều này có thể lý giải do nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện vào năm 2023, còn nghiên cứu của Trịnh Yên Bình đã thực hiện cách đây khá lâu (năm 2013), các ĐD hiện nay ngày càng có nhiều cơ hội hơn được tham gia học tập, thực hành nhờ sự phát triển công nghệ. Học viên có thể học tập bằng hình thức trực tuyến qua phần mềm online, tạo điều kiện thuận lợi cho học viên tham gia đào tạo. Do đó, nhằm khuyến khích các ĐD tham gia học tập, nâng cao chuyên môn hơn nữa trong thời gian tới cần phải chú ý tới địa điểm tổ chức, thời gian đào tạo khi xây dựng chương trình đào tạo để tạo điều kiện thuận lợi đối với người học.

Kết quả nghiên cứu cho thấy đa số khóa học gần nhất mà ĐD đã tham gia cách đây hơn 9 tháng chiếm 45,6%. Điều này cho thấy các khóa đào tạo liên tục hiện nay ở các Bệnh viện Quân khu 7 không được tổ chức thường xuyên. Ngoài ra, trong các khóa đào tạo mà ĐD đã tham gia chủ yếu thời gian tổ chức chỉ 1 - 2 ngày (53,5%) và bằng cấp mà ĐD nhận được sau khi đào tạo chủ yếu là chứng nhận với tỷ lệ 61,4%. Hình thức đào tạo tập trung mà ĐD tham gia chiếm tỷ lệ cao nhất với 84,2%, sau đó là hình thức từ xa với tỷ

lệ 9,9%. Hình thức đào tạo kết hợp giữa tập trung và từ xa chiếm tỷ lệ thấp nhất với 5,9%. Bên cạnh đó, đa số ĐD được đào tạo bằng phương pháp kết hợp giữa lý thuyết và thực hành với tỷ lệ 67,3%. Điều này cho thấy rằng cần có các khóa học đào tạo với nội dung chuyên sâu và kỹ càng hơn để ĐD có thể cập nhật kiến thức và nâng cao kỹ năng chuyên môn của mình để chăm sóc bệnh nhân được tốt hơn.

Nội dung chủ yếu các đối tượng được tham gia đào tạo là các khóa học về cập nhật kiến thức mới (20,8%). Điều này cho thấy tỷ lệ đào tạo tập trung về cập nhật kiến thức mới là chủ yếu, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay khi khoa học công nghệ ngày càng phát triển, các công trình nghiên cứu được cập nhật liên tục, việc cập nhật các kiến thức mới rất cần thiết cho quá trình chăm sóc bệnh nhân. Trước tình hình trên, các bệnh viện quân khu đã tổ chức các khóa học nhằm tạo điều kiện cho các ĐD nói riêng và nhân viên y tế nói chung được cập nhật các kiến thức một cách nhanh chóng và hiệu quả.

2. Các yếu tố liên quan

Khi tìm hiểu về các yếu tố liên quan, chúng tôi nhận thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa giới tính nhân viên y tế và nhu cầu đào tạo liên tục ($p = 0,02$). Nhóm ĐD là nam giới

có nhu cầu đào tạo liên tục cao gấp 1,08 lần nhóm nữ giới. Điều này có thể lý giải vì nữ giới có nhiều mối quan tâm như gia đình, con cái nên thường không có đủ thời gian để vừa làm việc vừa chăm sóc gia đình cũng như tham gia thêm các khóa học đào tạo. Trong khi nam giới thường có nhiều thời gian nên nhu cầu đào tạo thường cao hơn. Kết quả này có sự khác biệt với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Hải Hà (2017) [2] không tìm thấy mối liên quan giữa giới tính và nhu cầu đào tạo liên tục. Ngoài ra, chúng tôi còn tìm thấy mối liên quan giữa hình thức lao động với nhu cầu đào tạo của ĐD.

3. Nhu cầu đào tạo liên tục

Nghiên cứu cho thấy nhu cầu được tham gia đào tạo liên tục của ĐD các Bệnh viện Quân khu 7 là trong thời gian tới là 91,9%. Kết quả này của chúng tôi cao hơn nghiên cứu của Hoàng Thị Hoa Lý (2015) có 59,4% nhân viên tại 27 trạm y tế xã có nhu cầu tham gia đào tạo liên tục [4]. Sự khác biệt này có thể là do sự khác nhau về địa lý và thời điểm nghiên cứu. Ở thời điểm nghiên cứu của chúng tôi, do sự phát triển của khoa học công nghệ, có nhiều người hiểu rõ hơn về lợi ích của việc được đào tạo liên tục và muốn được nâng cao chuyên môn bản thân, chính vì thế tỷ lệ ĐD có nhu cầu tham gia đào tạo liên tục tăng lên rất cao.

KẾT LUẬN

Tỷ lệ ĐD đã tham gia đào tạo liên tục là 58,4%. Tỷ lệ ĐD có nhu cầu đào tạo liên tục trong tương lai là 91,9%. Yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu đào tạo của ĐD là giới tính và hình thức lao động.

Lời cảm ơn: Chúng tôi xin cảm ơn Bệnh viện Quân y 7A, Bệnh viện Quân y 7B, Bệnh viện Quân dân y miền Đông đã tạo điều kiện để thực hiện nghiên cứu và đồng nghiệp đã giúp đỡ. Cảm ơn đối tượng nghiên cứu đã tham gia. Chúng tôi cam kết không có xung đột lợi ích trong nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trịnh Yên Bình. Thực trạng nhân lực, nhu cầu đào tạo liên tục cho cán bộ y dược cổ truyền và đánh giá hiệu quả một số giải pháp can thiệp. Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương. 2013.
2. Nguyễn Hải Hà. *Thực trạng đào tạo liên tục cho các bộ dược sĩ ở các Bệnh viện tại thành phố Hải Dương năm 2017*. Khoa Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội. 2017.
3. Nguyễn Ngọc Huấn. Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của nhân viên tại Trung tâm Y tế huyện Sóc Sơn thành phố Hà Nội năm 2019. *Luận văn tốt nghiệp Bác sĩ Đa khoa*. Khoa Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội. 2019.
4. Hoàng Hoa Thị Lý. Đánh giá thực trạng và hiệu quả can thiệp y học cổ truyền tại tuyến xã ở 3 tỉnh miền Trung. Đại học Y Hà Nội. 2015.
5. Bộ Y tế. Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 9 tháng 8 năm 2013 của Bộ Y tế về Hướng dẫn đào tạo liên tục trong lĩnh vực y tế. *Government Document*. 2013; 4.
6. Trần Thị Thu Trang. Thực trạng và nhu cầu về đào tạo liên tục cho nhân viên y tế tại Bệnh viện Y Dược Cổ truyền Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2017. Khoa Y Dược. Đại học Quốc gia Hà Nội. 2018.
7. Nguyễn Thành Trung. Nhu cầu và khả năng cung cấp các loại hình đào tạo liên tục về y học cổ truyền cho nhân viên y tế tuyến huyện tại tỉnh Thanh Hóa. *Luận văn Thạc sĩ*. Đại học Y Hà Nội. 2015.